

**CÔNG KHAI VỀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NHÀ NƯỚC GIAO
VÀ PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPTQĐ ngày tháng năm 2021
của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

Đơn vị tính : đồng

Stt	Nội dung	TMĐT được duyệt	TĐT được Duyệt	Lũy kế vốn đã cấp đến hết niên độ NS năm trước	Kế hoạch vốn ĐT được giao năm 2021	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số	638.402.813.000	-	230.250.292.899	24.660.730.000	
I	Vốn thiết kế quy hoạch					
1	Dự án					
II	Vốn chuẩn bị đầu tư					
1	Dự án					
III	Vốn thực hiện dự án	638.402.813.000		230.250.292.899	24.660.730.000	
A	Dự án nhóm A					
1	Dự án					
B	Dự án nhóm B	638.402.813.000		230.250.292.899	24.660.730.000	
I	Dự án	638.402.813.000	0	230.250.292.899	24.660.730.000	
1	Đầu tư XD các tuyến đường kết nối vào nhà ở xã hội Nhơn Bình	62.731.113.000			2.000.000.000	
2	HTKT KDC phía Đông Chợ Dinh mới	110.656.472.000		64.386.897.774	2.000.000.000	
3	HTKT Khu đất xí nghiệp Song mây xuất khẩu, phân viện điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây Nguyên	37.413.000.000		5.755.802.000	2.000.000.000	
4	HTKT Khu đô thị mới Long Vân (khu A2)	176.787.000.000		41.649.113.000	4.000.000.000	
5	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân tông tại khu vực 7-8 P. Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn	162.313.000.000		47.075.697.000	10.000.000.000	
6	HTKT Khu đất dọc đường Hoa Lư nối dài	37.970.000.000		34.558.502.000	500.000.000	

Stt	Nội dung	TMĐT được duyệt	TDT được Duyệt	Lũy kế vốn đã cấp đến hết niên độ NS năm trước	Kế hoạch vốn ĐT được giao năm 2021	Ghi chú
7	HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại khu vực 1 P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn	39.473.000.000		29.860.028.125	2.000.000.000	
8	HTKT KDC tại dải cây xanh Khu TĐC phục vụ đầu tư xây dựng Khu Đô thị - TM phía Bắc sông Hà Thanh	9.898.498.000		6.964.253.000	1.000.000.000	
9	Mở rộng Trường cao đẳng Bình Định (HM: nhà thực hiện hành nghề số 1)	1.160.730.000			1.160.730.000	
C	Dự án nhóm C					